TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** **TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 15-5-2018
Về việc: "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ BỊA-VŨNG TÀU

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Châm
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Song Hoàn
Ông Vũ Xuân Miện

- ***Thư ký ghi biên bản phiên tòa***: Bà Đinh Thị Hồng Hà, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

Ngày 15 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Tp.Vũng Tàu, xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 90/2018/TLST – HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46A/2018/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Trần TT, sinh năm 1965; Thường trú: Thôn T, xã T, huyện K, tỉnh H; Địa chỉ: N, đường M, phường B, thành phố V, tỉnh B (Có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn TD(Nguyễn Văn D), sinh năm: 1964; Thường trú: Thôn T, xã T, huyện K, tỉnh H; Địa chỉ: N, đường M, phường B, thành phố V, tỉnh B (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 12 năm 2017 và quá trình tố tụng tại Tòa, bà Trần TT trình bày:

Bà và ông Nguyễn TD tự nguyện tìm hiểu, tổ chức lễ cưới và chung sống không đăng ký kết hôn từ đầu năm 1984. Hôn nhân của bà và ông D không thực sự hạnh phúc vì ông D là người nóng tính, gia trưởng, ghen tuông khi có chuyện không vừa ý ông D đánh đập, mắng chửi bà bằng những lời lẽ thô tục. Do trước đây con chung còn nhỏ nên bà cố gắng chịu đựng để chung sống cùng ông D oanh. Hiện nay, các con đã trưởng thành và bà nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông D không có hạnh phúc, vợ chồng chung sống như không còn tình nghĩa, không còn sự tôn trọng đối với nhau nên bà yêu cầu Tòa giải quyết:

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn TD(Nguyễn VD)

Về con chung: Bà và ông D có 02 con chung là Nguyễn Văn N sinh năm 1985 và Nguyễn Văn T sinh năm 1988, các con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 07 tháng 5 năm 2018 ông Nguyễn TD(Nguyễn VD) trình bày:

Ông đồng ý ly hôn với bà Trần TT vì bà TT tự ý bỏ nhà ra đi, không làm tròn nghĩa vụ của người vợ.

Về con chung: Ông và bà TT có 02 con chung là Nguyễn Văn N sinh năm 1985 vả Nguyễn Văn T sinh năm 1988, các con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:*

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần TT yêu cầu ly hôn với bị đơn là ông Nguyễn TDcó địa chỉ cư trú ổn định tại Vũng Tàu do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối ông D oanh.

Trong vụ án này, Tòa án không T hành các biện pháp thu thập chứng cứ, đối tượng tranh chấp không thuộc quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm.

[2]. *Về nội dung*:

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Trần TT và ông Nguyễn TD(Nguyễn VD) chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1984 cho tới nay nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nên hôn nhân giữa bà TT và ông D vi phạm quy định về đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình: "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng…". Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình thì hôn nhân giữa bà TT và ông D không được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Do đó, bà TT và ông D không được công nhận là vợ chồng.

[2.2]. *Về con chung*: Bà TT và ông D xác nhận có 02 con chung đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà TT và ông D không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không đề cập để giải quyết.

[3].Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội bà Trần TT phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, điểm e khoản 1 Điều 192, khoản 3 Điều 200, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 275 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Trần TT và ông Nguyễn TD(Nguyễn Văn Doanh) là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà TT và ông D có 02 con chung là Nguyễn Văn N sinh năm 1985 vả Nguyễn Văn T sinh năm 1988. Các con chung của bà TT và ông D đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà TT và ông D không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Trần TT phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000323 ngày 19 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu. Bà TT đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà TT được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Ông D vắng mặt tại phiên tòa nên thời gian kháng cáo được tính 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tống đạt theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7A, 7B và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Vũng Tàu;
- Thi hành án dân sự Tp. Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đinh Thị Châm